

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2018/DS-ST**

Ngày: 22/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hồng Ứng

2/ Ông Hà Hùng Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2017/TLST-DS ngày 03/11/2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐXXST-DS ngày 15/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A

Địa chỉ: Đường P, phường 3, quận N, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ chi nhánh: Quốc lộ A, phường 7, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn P, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ A, phường 7, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/11/2017)

2. *Bị đơn:* Ông Phan Hữu T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 21/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A (sau đây gọi là Ngân hàng) yêu cầu ông Phan Hữu T trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi là 31.799.729 đồng (gồm vốn vay 24.032.703 đồng và lãi trong hạn tính đến ngày 22/01/2018 là 2.365.297 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày 22/01/2018 là 5.401.729 đồng), vì vào ngày 03/4/2014 ông T có ký kết hợp đồng vay trả góp số T14001 HĐTD-02 với Ngân hàng vay số tiền 52.000.000 đồng, lãi suất 0,85%/tháng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi hàng tháng, thanh toán vào ngày 03 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 03/5/2014 đến 03/4/2017 là dứt nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền và có trả cho Ngân hàng được 16 kỳ với số tiền 41.514.000 đồng

(vốn 27.967.297 đồng và lãi 13.546.703 đồng), tính đến ngày 22/01/2018 còn nợ lại 31.799.729 đồng (trong đó vốn 24.032.703, lãi trong hạn 2.365.297 đồng và lãi quá hạn 5.401.729 đồng).

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phan Hữu T, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Phan Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Khi thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là chưa phù hợp, bởi vì giữa Ngân hàng là tổ chức tín dụng cho ông T vay tiền theo hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thì mới phù hợp với quy định của pháp luật

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số T1400 1 HĐTD-02, ông T có vay của Ngân hàng số tiền 52.000.000 đồng, lãi suất 0,85%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay tiêu dùng, không có thế chấp tài sản. Theo thỏa thuận ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi trong 36 tháng liên tục theo hình thức vốn và lãi giảm dần, thanh toán vào ngày 03 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 03/5/2014 đến 03/4/2017 là dứt nợ. Ông T đã nhận đủ số tiền, trong quá trình thực hiện hợp đồng có trả cho Ngân hàng được 16 kỳ từ ngày 03/5/2014 đến ngày 16/3/2016 với số tiền 41.514.000 đồng (trong đó vốn 27.967.297 đồng và lãi 13.546.703 đồng) thì ngưng, kể từ ngày 17/3/2016 đến nay, ông T không tiếp tục trả cho Ngân hàng theo thỏa thuận, hiện còn nợ lại vốn gốc 24.032.703 đồng, lãi trong hạn tính đến ngày 22/01/2018 là 2.365.297 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 22/01/2018 là 5.401.729 đồng, tổng cộng 31.799.729 đồng, nên Ngân hàng kiện đòi ông T trả lại số tiền nêu trên và lãi phát sinh cho đến khi ông T trả xong số nợ. Xét thấy, việc ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm Điều 5 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, có nội dung Ngân hàng khởi kiện đòi ông T trả số tiền vốn và lãi vay như trên, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình,

nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định ông T có vay tiền của Ngân hàng hiện còn nợ số tiền 31.799.729 đồng, nên Ngân hàng yêu cầu ông T trả số nợ nên trên phù hợp với quy định tại Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 23/01/2018, nếu ông Phan Hữu T không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Phan Hữu T phải chịu 1.589.986 đồng án phí sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A. Buộc bị đơn ông Phan Hữu T trả cho Ngân hàng A số tiền vốn gốc 24.032.703 đồng và lãi trong hạn 2.365.297 đồng, lãi quá hạn 5.401.729 đồng. Tổng cộng 31.799.729 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày 23/01/2018, nếu ông Phan Hữu T không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng A, thì ông Phan Hữu T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Hữu T phải chịu 1.589.986 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi chín ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng)

Nguyên đơn Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 747.753 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006491, ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Hữu T vắng mặt tại

phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh